|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG  VIỆT NAM LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH NINH THUẬN Số: 291/LĐLĐ | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc   *Ninh Thuận, ngày 29 tháng 5 năm 2019* | |
| V/v phối hợp cung cấp thông tin, số liệu  của CĐCS các đơn vị, trường học | |  |

Kính gửi:

- Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố;

- Công đoàn ngành Giáo dục;

Thực hiện quy chế phối hợp công tác giữa Liên đoàn Lao động tỉnh Ninh Thuận với Công đoàn Giáo dục Việt Nam về việc triển khai các hoạt động mang tính ngành nghề trong ngành Giáo dục; Công văn số 143/CĐN-VP ngày 09/5/2019 của Ban Thường vụ Công đoàn Giáo dục Việt Nam về việc phối hợp cung cấp thông tin, số liệu của CĐCS các đơn vị, trường học;

Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh đề nghị Liên đoàn Lao động huyện, thành phố và Công đoàn ngành Giáo dục, như sau:

**1/** Cung cấp một số thông tin, số liệu về tình hình đội ngũ và hoạt động công đoàn của CĐCS các đơn vị, trường học năm học 2018-2019 thuộc sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Liên đoàn Lao động huyện, thành phố và Công đoàn ngành Giáo dục (*theo biểu mẫu đính kèm*)

**2/** Liên đoàn Lao động huyện, thành phố gửi báo cáo các biểu mẫu về Liên đoàn Lao động tỉnh (qua Công đoàn ngành Giáo dục), theo địa chỉ email [congdoannganhgdnt@gmail.com](mailto:congdoannganhgdnt@gmail.com) trước ngày 10/6/2019.

**3/** Giao Công đoàn ngành Giáo dục là đầu mối tổng hợp số liệu về tình hình đội ngũ và hoạt động công đoàn của CĐCS các đơn vị, trường học năm học 2018-2019 của toàn Ngành; đồng thời báo cáo về Liên đoàn Lao động tỉnh và Công đoàn Giáo dục Việt Nam trước ngày 15/6/2019.

Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh yêu cầu Liên đoàn Lao động các huyện, thành phố, Công đoàn ngành Giáo dục nghiêm túc thực hiện và báo cáo đúng thời gian quy định*./.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Thường trực LĐLĐ tỉnh;  - Website LĐLĐ tỉnh;  - Lưu: VT. | **TM. BAN THƯỜNG VỤ**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Đã ký**  **Nguyễn Thị Quý** |

**ĐỀ CƯƠNG**

**Báo cáo kết quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở**

**6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2019**

*(Kèm theo Công văn số /LĐLĐ, ngày / /2019)*

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ VIỆC XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

**I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA CẤP ỦY, CHÍNH QUYỀN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ**

**1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở của cấp ủy và chính quyền**

- Việc ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt và triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng và pháp luật của Nhà nước về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc phổ biến, tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong chỉ đạọ thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong phạm vi phân cấp quản lý.

**2. Hoạt động của LĐLĐ huyện, thành phố, Công đoàn ngành, Công đoàn các Khu công nghiệp trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở**

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Kết quả thực hiện giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI về *“Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”, “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị* - *xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”,*

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CÁC LOẠI HÌNH CƠ SỞ**

**2. Kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở**

***2.1 Công đoàn tham gia xây dựng và thực hiện QCDC:***

***2.2 Tổ chức Hội nghị CBCC, Hội nghị Người lao động***

***a. Tổ chức Hội nghị CBCC***

***b. Tổ chức Hội nghị Người lao động***

**2.3 *Tổ chức đối thoại tại nơi làm việc***

**2.4 *Về thương lượng tập thể, ký kết thỏa ước lao động tập thể***

**2.5 *Về hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân:***

**III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Đánh giá kết quả đạt được trong việc tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện QCDC ở cơ sở.**

**2. Vai trò của Công đoàn trong việc thực hiện QCDC ở cơ sở.**

**3. Những tồn tại, hạn chế.**

**IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

- Kiến nghị, đề xuất nhằm tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng và hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Những bất cập, vướng mắc trong quá trình thực hiện quy chế dân chủ trong các loại hình cơ sở và kiến nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

**Phần thứ hai**

**NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019**

Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị và các nhiệm vụ đã đề ra để xác định các nhiệm vụ trọng tâm trong 6 tháng cuối năm 2019.

**PHỤ LỤC**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ, TẠI NƠI LÀM VIỆC**Kèm công văn số /LĐLĐ, ngày tháng năm 2019 của Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tiêu chí** | **Đơn vi tính** | **Kỳ trước liền kề** | **Kỳ báo cáo** |
| ***1*** | ***Công tác tuyên truyền, tập huấn quy định mới*** |  |  |  |
| 1.1 | Số lớp (cuộc) tập huấn | lớp |  |  |
| 1.2 | Số người tham gia | người |  |  |
| ***2*** | ***Xây dựng quy chế dân chủ*** | ***quy chế*** |  |  |
| 2.1 | Xây dựng quy chế mới | quy chế |  |  |
| 2.2 | Sửa đổi, bổ sung quy chế | quy chế |  |  |
| ***3*** | ***Tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức*** | **Đv** |  |  |
| 3.1 | Tổng số đơn vị thuộc đối tượng thực hiện | Đv |  |  |
| 3.2 | Số đơn vị đã tổ chức Hội nghị CBCC | Đv |  |  |
| ***4*** | ***Tổ chức Hội nghị người lao động (NLĐ)*** | ***DN*** |  |  |
| 4.1 | Tổng số DN thuộc đối tượng thực hiện, trong đó: | DN |  |  |
| a | Tổng số DNNN | DN |  |  |
| b | Tổng số DN dân doanh | DN |  |  |
| c | Tổng số DN.FDI | DN |  |  |
| d | Hợp tác xã | HTX |  |  |
| đ | Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập | Đv |  |  |
| 4.2 | Tổng số DN tổ chức Hội nghị NLĐ | DN |  |  |
| a | Đối với DNNN | DN |  |  |
| b | Đối với DN dân doanh | DN |  |  |
| c | Đối với DN.FDI | DN |  |  |
| d | Đối với HTX | HTX |  |  |
| đ | Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập | Đv |  |  |
| ***5*** | ***Tổ chức đối thoại tại DN*** |  |  |  |
| a | Đối thoại định kỳ | Cuộc |  |  |
| b | Đối thoại đột xuất | Cuộc |  |  |
| ***6*** | ***Hoạt động Ban thanh tra nhân dân*** |  |  |  |
| 6.1 | Số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phải có Ban Thanh tra nhân dân | ***Đv*** |  |  |
| 6.2 | Số Ban TTND có đến thời điểm báo cáo | BTTr |  |  |
| 6.2 | Kết quả hoạt động | BTTr |  |  |
| a | Tốt | BTTr |  |  |
| b | Khá | BTTr |  |  |
| c | Trung bình | BTTr |  |  |
| ***7*** | ***Quan hệ lao động*** |  |  |  |
| 7.1 | Số doanh nghiệp có Thỏa ước lao động tập thể | Cái |  |  |
| 7.2 | Số cuộc đình công xảy ra trong kỳ báo cáo | Cuộc |  |  |